

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 09/2026/NQ-HĐND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 17 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa
giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi bởi Luật số
90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 162/2024/QH15 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương
đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 -
2035;*

*Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân
sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;*

*Căn cứ Nghị định 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý,
tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quy
định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ
vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035;*

*Xét Tờ trình số 3399/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định nguyên
tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về
phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo
thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí,
định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn
hóa giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực
hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035

anh

trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (sau đây gọi là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm không vượt quá tổng vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung vào các nội dung cần ưu tiên thực hiện trước nhằm tạo đột phá trong phát triển văn hóa:

a) Các nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết trong bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, phát triển con người toàn diện.

b) Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa các cấp và một số nhiệm vụ mà nhà nước cần đầu tư để dẫn dắt, định hướng, chi phối, tạo nền tảng để thu hút toàn xã hội tham gia phát triển văn hóa, đặc biệt là các nhiệm vụ phát triển công nghiệp văn hóa.

c) Các nhiệm vụ về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa.

d) Hỗ trợ các địa phương có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ (bao gồm vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp) và nguồn vốn ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ, đảm bảo đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, hoạt động với các chương trình mục tiêu quốc gia khác; bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cơ quan và phân cấp triệt để cho các cấp chính quyền địa phương.

Điều 3. Tiêu chí phân bổ vốn

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường, đặc khu

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các địa phương theo đối tượng xã:

Xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III), đặc khu: Hệ số 6,0;

Handwritten signature

Xã còn lại: Hệ số 4,0;

Phường: Hệ số 2,0.

b) Tiêu chí, định mức phân bổ theo quy mô dân số:

Các xã, đặc khu có quy mô dân số dưới 10.000 người: Hệ số 0,2;

Các xã, phường có quy mô dân số từ 10.000 người đến dưới 20.000 người:
Hệ số 0,4;

Các xã, phường có quy mô dân số từ 20.000 người đến dưới 30.000 người:
Hệ số 0,7;

Các xã, phường có quy mô dân số từ 30.000 người trở lên: Hệ số 1,0.

c) Tiêu chí, định mức phân bổ theo quy mô diện tích:

Các xã, phường, đặc khu có quy mô diện tích dưới 100 km²: Hệ số 0,2;

Các xã, phường có quy mô diện tích từ 100 km² đến dưới 200 km²: Hệ số
0,6;

Các xã, phường có quy mô diện tích từ 200 km² đến dưới 300 km²: Hệ số
1,0;

Các xã, phường có quy mô diện tích từ 300 km² trở lên: Hệ số 2,45.

d) Tiêu chí, định mức phân bổ theo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng
cảnh:

Di tích quốc gia đặc biệt: Hệ số 5,0;

Di tích quốc gia: Hệ số 2,0.

2. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ

a) Căn cứ vào các tiêu chí để tính ra số điểm của từng địa phương và tổng số
điểm của các địa phương làm căn cứ để phân bổ vốn, theo các công thức sau:

Điểm của tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng xã của địa phương thứ i là A_i ;

Điểm của tiêu chí, hệ số phân bổ theo quy mô dân số của địa phương thứ i là B_i ;

Điểm của tiêu chí, hệ số phân bổ theo quy mô diện tích của địa phương thứ
i là C_i ;

Điểm của tiêu chí, hệ số phân bổ theo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam
thắng cảnh của địa phương thứ i là D_i .

Tổng điểm của địa phương thứ i:

Gọi tổng số điểm của địa phương thứ i gọi là X_i :

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i$$

Tổng số điểm của các địa phương:

Gọi tổng số điểm của n địa phương nhận hỗ trợ là Y:

anada

$$Y = \sum_{i=1}^n x_i$$

b) Số vốn định mức cho một điểm phân bổ được tính theo công thức:

Gọi K là tổng số vốn ngân sách trung ương của Chương trình hỗ trợ cho ngân sách địa phương.

Gọi Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

c) Tổng số vốn của từng địa phương được tính theo công thức:

Gọi V_i là số vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương của địa phương thứ i:

$$V_i = Z \times X_i$$

Điều 4: Định mức phân bổ vốn

1. Tổng số vốn phân bổ cho cấp xã được xác định bằng tổng số vốn còn lại sau khi phân bổ cho cấp tỉnh.

2. Đối với vốn đầu tư:

a) Tập trung đầu tư các dự án, công trình văn hóa, thiết chế văn hóa cấp tỉnh quan trọng, có sức lan tỏa, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của tỉnh; Ưu tiên tu bổ, tôn tạo các di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia trên địa bàn tỉnh.

b) Đầu tư, nâng cấp, sửa chữa các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã, nhà văn hóa - khu thể thao thôn, tổ dân phố và tương đương); điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em; bảo tồn làng, bản gắn với phát triển du lịch cộng đồng, tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số tại cơ sở.

3. Đối với vốn sự nghiệp: Hằng năm căn cứ vào hướng dẫn thực hiện các nội dung của Chương trình, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ cụ thể cho các cấp (tỉnh, xã), các ngành trình cấp có thẩm quyền quyết định để triển khai hiệu quả nguồn vốn được giao.

4. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương tại địa phương: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

Hằng năm, ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 27 tháng 7 năm 2026.

*Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa IX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026. **linh***

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH Quảng Trị;
- Trung tâm điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, P.CTHĐ (Linh). **linh**



Nguyễn Đăng Quang